



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Cà Mau, ngày 15 tháng 4 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỪ ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT GIỐNG PHỤC VỤ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU VỚI NGHỊ QUYẾT SỐ 07/2023/NQ-HĐND NGÀY 07/7/2023 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU; NGHỊ QUYẾT SỐ 04/2024/NQ-HĐND NGÀY 12/6/2024 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH		DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI TỪ ĐỊA PHƯƠNG CHO PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT GIỐNG PHỤC VỤ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU	THUYẾT MINH
Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (gọi tắt là Nghị quyết số 07)	Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 12/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu gọi tắt là Nghị quyết số 04)		
Tên gọi: Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách địa phương cho phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Tên gọi: Quy định nội dung, mức chi hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2030	Tên gọi: Quy định nội dung và mức chi từ ngân sách địa phương cho phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Tên gọi kế thừa có điều chỉnh theo Nghị quyết số 07, điều chỉnh thành giai đoạn 2026 - 2030

	trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu		
Căn cứ pháp lý: - Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; - Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;	Căn cứ pháp lý: - Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; - Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; - Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;	Căn cứ pháp lý: - Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; - Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; - Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;	Căn cứ pháp lý áp dụng các văn bản mới.
- Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030; - Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp	- Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Phát triển sản xuất giống” theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính	- Thực hiện Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030; - Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm	Kế thừa theo Nghị quyết số 07 (sắp theo thứ tự thời gian ban hành)

và Phát triển nông thôn hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Phát triển sản xuất giống” theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030.	phủ; - Căn cứ Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030; - Căn cứ Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;	2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Phát triển sản xuất giống” theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; - Căn cứ Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi từ ngân sách địa phương cho phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Phần Quy định kèm theo Nghị quyết Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi từ ngân sách địa phương cho phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo khoản 1 Điều 6 Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài	Kế thừa có điều chỉnh theo Nghị quyết số 07, điều chỉnh thành giai đoạn 2026 - 2030, bổ sung nội dung “theo khoản 1 Điều 6 Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12

	nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.	chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030.	năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030”
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản (sau đây gọi là giống). 2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân nghiên cứu, sản xuất giống.	2. Đối tượng áp dụng a) Các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập (<i>sau đây gọi là cơ quan, đơn vị</i>) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (<i>sau đây gọi là tổ chức, cá nhân</i>) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản (sau đây gọi là giống). 2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân nghiên cứu, sản xuất giống.	Kế thừa theo Nghị quyết số 07

	nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.		
Điều 3. Nội dung ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí, hỗ trợ một phần kinh phí 1. Ngân sách địa phương đảm bảo 100% kinh phí thực hiện dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia trên địa bàn tỉnh với các nội dung sau: a) Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có; b) Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội (không bao gồm phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng tại Điều 1, Quy định kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau);	Điều 3. Nội dung ngân sách đảm bảo kinh phí, hỗ trợ một phần kinh phí đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực quốc gia 1. Ngân sách đảm bảo tối đa 100% kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống, gồm: a) Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có. b) Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội do các đơn vị thực hiện.	Điều 3. Nội dung ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí, hỗ trợ một phần kinh phí 1. Ngân sách địa phương đảm bảo 100% kinh phí thực hiện dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia trên địa bàn tỉnh với các nội dung sau: a) Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có; b) Bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội;	Kế thừa có điều chỉnh theo Nghị quyết số 07, bỏ đoạn “không bao gồm phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng tại Điều 1, Quy định kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau”, lý do: Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND bị bãi bỏ, không còn hiệu lực, chưa được thay thế.
c) Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để	c) Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để	c) Chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để	Kế thừa theo Nghị quyết số 07

cấp vật liệu nhân giống; d) Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có); đ) Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành; e) Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống; g) Kiểm soát chất lượng giống (kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh); h) Kiểm tra, giám sát thực hiện dự án; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.	cung cấp vật liệu nhân giống do các đơn vị thực hiện. d) Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có). đ) Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành. e) Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống. g) Kiểm soát chất lượng giống. h) Kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.	cung cấp vật liệu nhân giống; d) Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có); đ) Hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành; e) Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống; g) Kiểm soát chất lượng giống (kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh); h) Kiểm tra, giám sát thực hiện dự án; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.	
2. Ngân sách địa phương hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện sản xuất giống chủ lực quốc gia trên địa bàn tỉnh theo các lĩnh vực sau: a) Đối với lĩnh vực trồng trọt:	2. Ngân sách hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống, cụ thể: a) Đối với lĩnh vực trồng	2. Ngân sách địa phương hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện sản xuất giống chủ lực quốc gia trên địa bàn tỉnh theo các lĩnh vực sau: a) Đối với lĩnh vực trồng	Kế thừa theo Nghị quyết số 07

Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1; hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng; b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ; c) Đối với lĩnh vực lâm nghiệp: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; hỗ trợ 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô; d) Đối với lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống.	trọt: - Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sản xuất giống, sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1. - Hỗ trợ tối đa 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng. b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ tối đa 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ. c) Đối với lĩnh vực lâm nghiệp: - Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sản xuất giống. - Hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô. d) Đối với lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sản xuất giống.	trọt: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1; hỗ trợ 30% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng; b) Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ; c) Đối với lĩnh vực lâm nghiệp: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống; hỗ trợ 30% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô; d) Đối với lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ 50% chi phí sản xuất giống.	
3. Đối với dự án phát triển sản xuất giống khác (ngoài giống chủ lực quốc gia trên địa bàn tỉnh), ngân sách địa phương hỗ trợ 70% mức hỗ trợ tương ứng các nội dung quy định tại	Điều 4. Nội dung ngân sách đảm bảo kinh phí, hỗ trợ một phần kinh phí đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác	3. Đối với dự án phát triển sản xuất giống khác (ngoài giống chủ lực quốc gia trên địa bàn tỉnh hoặc giống thuộc danh mục do cơ quan có thẩm quyền ban hành),	Kế thừa có điều chỉnh theo Nghị quyết số 07, bổ sung thêm cụm từ “hoặc giống thuộc

khoản 1 và khoản 2 Điều này.	1. Đối với dự án, kế hoạch phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác (<i>không thuộc giống chủ lực quốc gia</i>) theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030: Hỗ trợ 70% mức hỗ trợ kinh phí quy định tại Điều 3 Quy định này. 2. Căn cứ yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác để thực hiện hỗ trợ.	ngân sách địa phương hỗ trợ 70% mức hỗ trợ tương ứng các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	danh mục do cơ quan có thẩm quyền ban hành”
Điều 4. Một số nội dung, định mức chi Nội dung chi, mức chi thực hiện theo định mức, định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Nghị quyết này quy định thêm một số nội dung và định mức chi, như sau:	Điều 5. Nội dung chi, định mức chi Nội dung chi, mức chi thực hiện theo định mức, định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Quy định này quy định cụ thể một số nội dung chi, định mức chi như sau:	Điều 4. Một số nội dung, định mức chi Nội dung chi, mức chi thực hiện theo định mức, định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Nghị quyết này quy định thêm một số nội dung và định mức chi, như sau:	Kế thừa theo Nghị quyết số 07

1. Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí vật tư để sản xuất giống trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành; chi phí nhân công được hỗ trợ theo định mức sau: a) Công lao động kỹ thuật được tính bằng 70% hệ số tiền công ngày đối với chức danh “thành viên chính” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành; b) Công lao động phổ thông được tính bằng 50% công lao động kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.	1. Hỗ trợ sản xuất giống: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ chi phí nhân công và vật tư để sản xuất giống trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trong đó, đơn giá nhân công được xác định như sau: a) Công lao động kỹ thuật được tính tối đa bằng 70% hệ số tiền công ngày cho chức danh “<i>thành viên chính</i>” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh “<i>ban hành Quy định định mức xây dựng dự toán và mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu</i>”. b) Công lao động phổ thông được tính tối đa bằng 50% công lao động kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.	1. Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí vật tư để sản xuất giống trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành; chi phí nhân công được hỗ trợ theo định mức sau: a) Công lao động kỹ thuật được tính bằng 70% hệ số tiền công ngày đối với chức danh “thành viên chính” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành; b) Công lao động phổ thông được tính bằng 50% công lao động kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.	
2. Đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho	2. Đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong	2. Đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong	- Kế thừa theo Nghị quyết số 04

các đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án, định mức chi cụ thể như sau: a) Chi thù lao cho giảng viên, tiền ăn, phương tiện đi lại, phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên áp dụng mức chi theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3, Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Riêng chi thù lao cho trợ giảng, hướng dẫn viên tham quan, thực hành hỗ trợ 300.000 đồng/người/buổi.	nước cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án. Nội dung hỗ trợ cụ thể như sau: a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. b) Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh “<i>ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu</i>”.	nước cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án, định mức chi cụ thể như sau: a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp. b) Chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên; tiền ăn, đi lại, thuê phòng nghỉ cho giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.	tại điểm a khoản 2. Lý do: Thông tư số 76/2018/TT-BTC còn hiệu lực. Sửa điểm a, khoản 2 Nghị quyết số 07 thành điểm b. Bỏ đoạn: “khoản 1, khoản 2 Điều 3, Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Cà Mau” tại điểm a của Nghị quyết số 07. Lý do Nghị quyết số 11 được thay thế bởi Nghị quyết 35/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023. Trong khi đó, Nghị quyết
---	--	--	---

			35/2023/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 áp dụng Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2028. Theo Điều 8, Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 thì Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2028 đã hết hiệu lực kể từ ngày 28/10/2025. Theo Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND thì Nghị quyết số 35 đang được đề nghị thay thế (STT 23)
b) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng	c) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo), giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có), thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có), chi tổ	c) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi tổ	Kế thừa có điều chỉnh theo Nghị quyết số 07, bổ sung mức hỗ trợ tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ theo Nghị

chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan. Tất cả các học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tiền ăn 150.000 đồng/người/ngày; đi lại là 200.000 đồng/người/khoá học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã đảo, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khoá học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05 km trở lên; phòng nghỉ hỗ trợ 200.000 đồng/người/ngày.	chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm), chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan. Tất cả các học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với học viên không hưởng lương từ ngân sách Nhà nước được hỗ trợ tiền ăn tối đa 100% chi phí tiền ăn, hỗ trợ tiền tàu xe và tiền thuê phòng nghỉ theo Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh “về việc ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu”, đối với người khuyết tật mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khoá học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học: Trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các	chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan. Tất cả các học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tiền ăn, tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ theo quy định tại khoản 3, khoản 4, điều 7 Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi Hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau
--	---	--	---

	học viên thi đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, bao gồm chi phí điện, nước; trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo thuê chỗ ở cho học viên thi được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh.		
	3. Kiểm soát chất lượng giống: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh.		Đề nghị bỏ, lý do nội dung này đã đưa vào điểm g, khoản 1, điều 3 của dự thảo
		Điều 5. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2026. 2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành: a) Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung và mức chi từ ngân sách địa phương cho phát triển sản xuất giống phục	Bổ sung điều 5: Hiệu lực thi hành

		vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2023 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau. b) Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu quy định nội dung, mức chi hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.	
Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay	Phân Nghị quyết Điều 2. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định pháp luật. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.	Điều 6. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 3. Điều khoản chuyển tiếp a) Đối với các nhiệm vụ, dự án phát triển sản xuất giống đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt,	Kế thừa có điều chỉnh theo Nghị quyết số 07, đổi thành điều 6, bổ khoản 3, bổ sung điều khoản chuyển tiếp thành khoản 3.

thể.		bổ trí vốn trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt cho đến khi hoàn thành và quyết toán. b) Trường hợp các nhiệm vụ, dự án nêu trên có điều chỉnh nội dung, dự toán sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.	
------	--	---	--